

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thủy, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở sản xuất
bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi
(đợt 2, năm 2025, từ ngày 15/8/2025 đến ngày 30/10/2025)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THUY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Căn cứ Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đợt 2, năm 2025 ngày 24/12/2025 của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;

Căn cứ Biên bản họp kết thúc niêm yết hồ sơ đề nghị hỗ trợ của cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đợt 2, năm 2025 và giải quyết các kiến nghị, phản ánh của người dân trong thời gian niêm yết ngày 31/12/2025 của Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí đối với các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (đợt 2, năm 2025, từ ngày 15/8/2025 đến ngày 30/10/2025) với số tiền: **13.748.880.000 đồng** (Mười ba tỷ, bảy trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

(Danh sách chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05/6/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật. UBND xã sẽ tổ chức chi trả hỗ trợ các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi sau khi được UBND tỉnh bố trí kinh phí theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các cơ sở sản xuất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Trạm Chăn nuôi và Thú y số 6;
- CT, các PCT UBND xã;
- Trang TTĐT của xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

Phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở sản xuất bị thiệt hại do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi
(đợt 2, năm 2025, từ ngày 15/8/2025 đến ngày 30/10/2025)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của UBND xã Vĩnh Thủy)

ĐVT: đồng

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
I	Huỳnh Xá Hạ	45	289	24.993	999.720.000
1	Huỳnh Xá Hạ	Thái Thị Hợi	1	235	9.400.000
2	Huỳnh Xá Hạ	Trần Quang Mạnh	28	1.540	61.600.000
3	Huỳnh Xá Hạ	Trần Minh Đạt	1	153	6.120.000
4	Huỳnh Xá Hạ	Trần Xuân Long	1	108	4.320.000
5	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Đọt	2	235	9.400.000
6	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Cừ	6	575	23.000.000
7	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Hải	2	230	9.200.000
8	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Đạo	3	340	13.600.000
9	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Văn Nhon	2	152	6.080.000
10	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Văn An	4	160	6.400.000
11	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Thuyết	2	150	6.000.000
12	Huỳnh Xá Hạ	Trần Văn Hoài	3	665	26.600.000
13	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Chiên	3	280	11.200.000
14	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn văn Đàn	27	2.350	94.000.000
15	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Thơm	29	2.320	92.800.000
16	Huỳnh Xá Hạ	Trần Văn Ánh	5	345	13.800.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
17	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Văn Thử	4	420	16.800.000
18	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Dụng	6	980	39.200.000
19	Huỳnh Xá Hạ	Trần Thị Liên	2	230	9.200.000
20	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Bình	8	607	24.280.000
21	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Kiều	16	1.643	65.720.000
22	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn văn Công	7	470	18.800.000
23	Huỳnh Xá Hạ	Trần Phong Vĩnh	5	340	13.600.000
24	Huỳnh Xá Hạ	Trần Thị Tự	4	470	18.800.000
25	Huỳnh Xá Hạ	Lê Thị Minh	6	525	21.000.000
26	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Kim Luyện	1	225	9.000.000
27	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Tiến	4	541	21.640.000
28	Huỳnh Xá Hạ	Trần Thị Hương	3	307	12.280.000
29	Huỳnh Xá Hạ	Phan Tài Hoài	1	235	9.400.000
30	Huỳnh Xá Hạ	Bùi Văn Phú	20	2.595	103.800.000
31	Huỳnh Xá Hạ	Trần Văn Hải	3	290	11.600.000
32	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Hoàng	2	320	12.800.000
33	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Văn Hoài	2	130	5.200.000
34	Huỳnh Xá Hạ	Trần Thị Liễu	5	495	19.800.000
35	Huỳnh Xá Hạ	Trần văn Tuấn	22	300	12.000.000
36	Huỳnh Xá Hạ	Phan Thị Bích Thảo	7	700	28.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
37	Huỳnh Xá Hạ	Phan Thị Xuân	8	470	18.800.000
38	Huỳnh Xá Hạ	Trần Văn Phương	2	250	10.000.000
39	Huỳnh Xá Hạ	Trần Thị Ninh	1	85	3.400.000
40	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Liên	4	365	14.600.000
41	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Thắm	4	557	22.280.000
42	Huỳnh Xá Hạ	Trần Văn Quý	3	160	6.400.000
43	Huỳnh Xá Hạ	Trần Hữu Vương	6	330	13.200.000
44	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Xuân Kiều	1	70	2.800.000
45	Huỳnh Xá Hạ	Nguyễn Thị Nga	13	1.045	41.800.000
II		49	248	20.951	838.040.000
1	Huỳnh Thượng	Trần Văn Mại	2	224	8.960.000
2	Huỳnh Thượng	Trần Hữu Sáng	9	745	29.800.000
3	Huỳnh Thượng	Phạm Thị Vân	1	125	5.000.000
4	Huỳnh Thượng	Hồ Thị Nga	3	90	3.600.000
5	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Thành	1	130	5.200.000
6	Huỳnh Thượng	Bùi Văn Dũng	2	125	5.000.000
7	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Lưu	2	185	7.400.000
8	Huỳnh Thượng	Trần Thị Hiền	4	165	6.600.000
9	Huỳnh Thượng	Phan Tài Trọn	1	167	6.680.000
10	Huỳnh Thượng	Bùi Thị Huệ	2	310	12.400.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
11	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Chiến	2	312	12.480.000
12	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Long	12	862	34.480.000
13	Huỳnh Thượng	Trần Hữu Thông	8	1.125	45.000.000
14	Huỳnh Thượng	Trần Văn Hiến	1	175	7.000.000
15	Huỳnh Thượng	Nguyễn Thị Thiện	1	205	8.200.000
16	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Cẩn	7	210	8.400.000
17	Huỳnh Thượng	Hoàng Thị Diệu	1	130	5.200.000
18	Huỳnh Thượng	Trần Thị Hải	1	190	7.600.000
19	Huỳnh Thượng	Nguyễn Thị Thủy	14	657	26.280.000
20	Huỳnh Thượng	Phan Thị An	11	645	25.800.000
21	Huỳnh Thượng	Trương Thị Ngợi	1	150	6.000.000
22	Huỳnh Thượng	Trần Thị Phi	17	815	32.600.000
23	Huỳnh Thượng	Phan Tài Tám	10	715	28.600.000
24	Huỳnh Thượng	Phan Văn Thuần	2	270	10.800.000
25	Huỳnh Thượng	Nguyễn Đăng Hải	7	315	12.600.000
26	Huỳnh Thượng	Bùi Văn Lãnh	11	557	22.280.000
27	Huỳnh Thượng	Trần Cao Cường	12	1.424	56.960.000
28	Huỳnh Thượng	Trần Văn Tuyết	7	705	28.200.000
29	Huỳnh Thượng	Nguyễn Văn Hoàng	2	320	12.800.000
30	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Tình	14	823	32.920.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
31	Huỳnh Thượng	Lê Thị Thúy	2	160	6.400.000
32	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Tùng	8	680	27.200.000
33	Huỳnh Thượng	Trần Hữu Dũng	7	895	35.800.000
34	Huỳnh Thượng	Hồ Dạn	5	440	17.600.000
35	Huỳnh Thượng	Bùi Duy Khương	3	300	12.000.000
36	Huỳnh Thượng	Hồ Thị Uyên	13	1.230	49.200.000
37	Huỳnh Thượng	Trần Văn Linh	6	575	23.000.000
38	Huỳnh Thượng	Phan Văn Thạo	2	120	4.800.000
39	Huỳnh Thượng	Phan Thị Khâm	3	360	14.400.000
40	Huỳnh Thượng	Trần Thị Thương	4	355	14.200.000
41	Huỳnh Thượng	Bùi Văn An	3	367	14.680.000
42	Huỳnh Thượng	Trần Thị Chuyên	2	120	4.800.000
43	Huỳnh Thượng	Nguyễn văn Tân	6	520	20.800.000
44	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Hảo	2	330	13.200.000
45	Huỳnh Thượng	Phan Văn Hoàn	1	120	4.800.000
46	Huỳnh Thượng	Phan Tài Lương	5	522	20.880.000
47	Huỳnh Thượng	Hồ Hữu Quý	4	488	19.520.000
48	Huỳnh Thượng	Nguyễn Thị Xuân	1	178	7.120.000
49	Huỳnh Thượng	Bùi Văn Tình	3	320	12.800.000
III		25	101	11.769	470.760.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
1	Nam Sơn	Lữ Thị Hoa	2	328	13.120.000
2	Nam Sơn	Nguyễn Thị Thu Hương	3	380	15.200.000
3	Nam Sơn	Trần Hữu Long	3	450	18.000.000
4	Nam Sơn	Trần Thị Yến	1	170	6.800.000
5	Nam Sơn	Nguyễn Thị Liên (A)	1	120	4.800.000
6	Nam Sơn	Nguyễn Thị Lê	1	120	4.800.000
7	Nam Sơn	Hồ Văn Hoàn	3	410	16.400.000
8	Nam Sơn	Nguyễn Thị Thủy	1	180	7.200.000
9	Nam Sơn	Nguyễn Thị Phụng	1	180	7.200.000
10	Nam Sơn	Hồ Văn Dũng	25	3.825	153.000.000
11	Nam Sơn	Hồ Văn Khanh	10	750	30.000.000
12	Nam Sơn	Trần Thị Liên	2	270	10.800.000
13	Nam Sơn	Nguyễn Thị Kiều	8	740	29.600.000
14	Nam Sơn	Hồ Thị Ngoan	2	156	6.240.000
15	Nam Sơn	Nguyễn Thị Loan	1	130	5.200.000
16	Nam Sơn	Nguyễn Thị Hiền	6	380	15.200.000
17	Nam Sơn	Nguyễn Thị Thu	4	390	15.600.000
18	Nam Sơn	Nguyễn Thị Vang	2	150	6.000.000
19	Nam Sơn	Trần Thị Xuân	2	270	10.800.000
20	Nam Sơn	Nguyễn Thị Liên	1	170	6.800.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
21	Nam Sơn	Hoàng Xuân Bình	2	345	13.800.000
22	Nam Sơn	Nguyễn Thị Chính	14	1.265	50.600.000
23	Nam Sơn	Lữ Thị Hằng	3	220	8.800.000
24	Nam Sơn	Nguyễn Văn Toàn	1	200	8.000.000
25	Nam Sơn	Trần Thị Lan	2	170	6.800.000
IV		16	84	6.905	276.200.000
1	Tiên An	Phạm Hữu Sỹ	2	213	8.520.000
2	Tiên An	Nguyễn Văn Bạo	1	220	8.800.000
3	Tiên An	Nguyễn Văn Hương	3	150	6.000.000
4	Tiên An	Phạm Hữu Sơn	3	393	15.720.000
5	Tiên an	Trần Thị Thương	10	759	30.360.000
6	Tiên An	Nguyễn Văn Quyền	1	191	7.640.000
7	Tiên An	Nguyễn Văn Thanh	3	270	10.800.000
8	Tiên An	Phạm Đức Tuấn	7	225	9.000.000
9	Tiên An	Nguyễn Văn Tiến	8	510	20.400.000
10	Tiên An	Trần Thị Tuyền	7	400	16.000.000
11	Tiên An	Lê Thị Mỹ Nhung	13	1.307	52.280.000
12	Tiên An	Trần Thị Hồng	2	207	8.280.000
13	Tiên An	Phạm Hữu Tùng	1	125	5.000.000
14	Tiên An	Trần Thị Tuyền	3	300	12.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
15	Tiên An	Nguyễn Văn Vinh	2	355	14.200.000
16	Tiên An	Nguyễn Duy Tuấn	18	1.280	51.200.000
V		4	9	958	38.320.000
1	Minh Phước	Lê Doãn Tiến	2	138	5.520.000
2	Minh Phước	Phan Đình Tuyển	1	210	8.400.000
3	Minh Phước	Hoàng Thị Tình	5	460	18.400.000
4	Minh Phước	Nguyễn văn Nghĩa	1	150	6.000.000
VI		112	447	44.310	1.772.400.000
1	Phan Hiên	Ngô Quang Phú	4	355	14.200.000
2	Phan Hiên	Trần Văn Bảo	2	140	5.600.000
3	Phan Hiên	Nguyễn văn Quý	4	210	8.400.000
4	Phan Hiên	Nguyễn Thị Thuần	1	75	3.000.000
5	Phan Hiên	Trần Thị Thu Hiền	11	740	29.600.000
6	Phan Hiên	Cao Tất Sơn	18	1.880	75.200.000
7	Phan Hiên	Nguyễn Quang Hà	3	500	20.000.000
8	Phan Hiên	Trần Văn Hoài	2	195	7.800.000
9	Phan Hiên	Ngô Quang Phong	1	55	2.200.000
10	Phan Hiên	Nguyễn Văn Bình	2	175	7.000.000
11	Phan Hiên	Ngô Quang Anh	1	140	5.600.000
12	Phan Hiên	Nguyễn Văn Khuyến	5	425	17.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
13	Phan Hiên	Nguyễn Thị Mến	5	680	27.200.000
14	Phan Hiên	Nguyễn Văn Công	4	375	15.000.000
15	Phan Hiên	Trương Công Trung	3	270	10.800.000
16	Phan Hiên	Trần Hữu Hiệp	7	690	27.600.000
17	Phan Hiên	Trần Thị Niềm	15	1.380	55.200.000
18	Phan Hiên	Trần Hữu Lâm	4	505	20.200.000
19	Phan Hiên	Trần Văn Doanh	2	230	9.200.000
20	Phan Hiên	Trần Quang Đức	2	310	12.400.000
21	Phan Hiên	Trần Văn Diêm	3	375	15.000.000
22	Phan Hiên	Trần Hữu Luận	13	1.078	43.120.000
23	Phan Hiên	Trần Hữu Tịnh	3	670	26.800.000
24	Phan Hiên	Ngô Quang Tuấn	1	220	8.800.000
25	Phan Hiên	Ngô Quang Vinh	2	320	12.800.000
26	Phan Hiên	Trương Thị Sáu	3	576	23.040.000
27	Phan Hiên	Ngô Quang Sơn	7	795	31.800.000
28	Phan Hiên	Trần Thị Phượng	3	235	9.400.000
29	Phan Hiên	Trần Hữu Danh	2	445	17.800.000
30	Phan Hiên	Trần Hữu Long	17	1.683	67.320.000
31	Phan Hiên	Trần Hữu Tuấn	3	520	20.800.000
32	Phan Hiên	Hoàng Thị Mai	3	625	25.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
33	Phan Hiền	Lê Văn Thành	4	570	22.800.000
34	Phan Hiền	Nguyễn Quốc Văn	2	210	8.400.000
35	Phan Hiền	Trần Xuân Lanh	3	295	11.800.000
36	Phan Hiền	Trần Hữu Dũng	2	125	5.000.000
37	Phan Hiền	Ngô Thị Tư	1	85	3.400.000
38	Phan Hiền	Lê Văn Quyền	1	175	7.000.000
39	Phan Hiền	Trần Thị Vịnh	6	805	32.200.000
40	Phan Hiền	Vũ Vũ Dũng	2	270	10.800.000
41	Phan Hiền	Nguyễn Đức Sỹ	3	255	10.200.000
42	Phan Hiền	Nguyễn Thị Diễm	16	545	21.800.000
43	Phan Hiền	Ngô Thị Hải	2	170	6.800.000
44	Phan Hiền	Võ Thị Lũy	2	335	13.400.000
45	Phan Hiền	Võ Thị Thu	2	265	10.600.000
46	Phan Hiền	Ngô Thị Đào	1	175	7.000.000
47	Phan Hiền	Nguyễn Quốc Duy	1	185	7.400.000
48	Phan Hiền	Dương Thị Lan	2	380	15.200.000
49	Phan Hiền	Trần Thị Rạng	11	939	37.560.000
50	Phan Hiền	Trần Văn Đồng	4	395	15.800.000
51	Phan Hiền	Cao Thị Thanh	3	530	21.200.000
52	Phan Hiền	Trần Văn Phong	3	180	7.200.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
53	Phan Hiên	Ngô Quang Dương	1	185	7.400.000
54	Phan Hiên	Trần Thị Mai	2	160	6.400.000
55	Phan Hiên	Ngô Minh Phước	11	195	7.800.000
56	Phan Hiên	Ngô Thị Năm	2	290	11.600.000
57	Phan Hiên	Trần Duy Thúc	8	600	24.000.000
58	Phan Hiên	Nguyễn Thị Lệ	11	770	30.800.000
59	Phan Hiên	Trần Thị Hậu	1	185	7.400.000
60	Phan Hiên	Trần Thị Hà	19	1.684	67.360.000
61	Phan Hiên	Trần Dũng	7	840	33.600.000
62	Phan Hiên	Trần Hữu Lâm (l)	3	320	12.800.000
63	Phan Hiên	Trần Thị Nhung	5	300	12.000.000
64	Phan Hiên	Nguyễn Văn Tám	4	630	25.200.000
65	Phan Hiên	Trương Thị Cúc	3	320	12.800.000
66	Phan Hiên	Trần Thị Tiến	2	260	10.400.000
67	Phan Hiên	Hồ Thị Mai	3	370	14.800.000
68	Phan Hiên	Nguyễn Thị Xanh	1	195	7.800.000
69	Phan Hiên	Nguyễn Thị Phương	3	400	16.000.000
70	Phan Hiên	Võ Thị Dinh	2	395	15.800.000
71	Phan Hiên	Lê Thị Liễu	3	165	6.600.000
72	Phan Hiên	Trần Thị Hà	6	830	33.200.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
73	Phan Hiền	Trần Văn Liễu	3	290	11.600.000
74	Phan Hiền	Võ Thị Liễu	4	330	13.200.000
75	Phan Hiền	Ngô Thị Lụa	3	225	9.000.000
76	Phan Hiền	Trần Hữu Minh	2	225	9.000.000
77	Phan Hiền	Võ Thị Sen	4	180	7.200.000
78	Phan Hiền	Trần Văn Vịnh	5	335	13.400.000
79	Phan Hiền	Trần Thị Ngữ	1	140	5.600.000
80	Phan Hiền	Trần Thị Thát	3	385	15.400.000
81	Phan Hiền	Võ Thị Bảy	4	290	11.600.000
82	Phan Hiền	Nguyễn Thị Hào	3	260	10.400.000
83	Phan Hiền	Phan Thị Lý	2	195	7.800.000
84	Phan Hiền	Nguyễn Thị Giang	2	425	17.000.000
85	Phan Hiền	Trần Đình Khánh	4	335	13.400.000
86	Phan Hiền	Trần Xuân Long	2	215	8.600.000
87	Phan Hiền	Lê Văn Phú	3	90	3.600.000
88	Phan Hiền	Trần Văn Sơn	3	120	4.800.000
89	Phan Hiền	Trần thị Hà	2	315	12.600.000
90	Phan Hiền	Trần Thị Định	3	295	11.800.000
91	Phan Hiền	Ngô Đức Dũng	1	185	7.400.000
92	Phan Hiền	Trần Ngọc Sơn	4	200	8.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
93	Phan Hiền	Ngô Thị Niềm	2	65	2.600.000
94	Phan Hiền	Nguyễn Thị Mơ	4	280	11.200.000
95	Phan Hiền	Trần Hữu Tài	4	460	18.400.000
96	Phan Hiền	Trần Hữu Lực	8	830	33.200.000
97	Phan Hiền	Đoàn Quang Minh	2	385	15.400.000
98	Phan Hiền	Phan Thị Hà	2	235	9.400.000
99	Phan Hiền	Trần Thị Huế	3	220	8.800.000
100	Phan Hiền	Trần Thị Thuần	8	735	29.400.000
101	Phan Hiền	Trần Văn Duy	5	370	14.800.000
102	Phan Hiền	Nguyễn Thị Thương	2	245	9.800.000
103	Phan Hiền	Trần Ánh	5	400	16.000.000
104	Phan Hiền	Trần Văn Quyết	6	660	26.400.000
105	Phan Hiền	Trần Quang Láng	2	250	10.000.000
106	Phan Hiền	Trần Văn Dục	2	220	8.800.000
107	Phan Hiền	Trần Văn Hình	1	120	4.800.000
108	Phan Hiền	Trần Văn Hải	1	160	6.400.000
109	Phan Hiền	Trần Thị Nữ	2	230	9.200.000
110	Phan Hiền	Hoàng Thị Hương	1	165	6.600.000
111	Phan Hiền	Lê Thị Vinh	1	65	2.600.000
112	Phan Hiền	Trần Hữu Văn	4	325	13.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
VII		12	106	8.418	336.720.000
1	Lê Xá	Nguyễn Xuân Thủy	25	2.414	96.560.000
2	Lê Xá	Trần Thị Toàn	1	170	6.800.000
3	Lê Xá	Nguyễn sơn	4	250	10.000.000
4	Lê Xá	Nguyễn Thị Phượng	1	205	8.200.000
5	Lê Xá	Nguyễn văn Thanh	2	130	5.200.000
6	Lê Xá	Nguyễn Thị Thu	3	395	15.800.000
7	Lê Xá	Hoàng Thị Hòe	11	410	16.400.000
8	Lê Xá	Lê Đình Thi	7	405	16.200.000
9	Lê Xá	Cái Thị Thu	11	1.060	42.400.000
10	Lê Xá	Phân Thị tâm	9	670	26.800.000
11	Lê Xá	Nguyễn Thị Thúy Sự	15	1.000	40.000.000
12	Lê Xá	Nguyễn Văn Mai	17	1.309	52.360.000
VIII		16	111	7.120	284.800.000
1	Đặng Xá	Phan Thị Tơ	3	82	3.280.000
2	Đặng Xá	Lê Thị Phương	12	1.071	42.840.000
3	Đặng Xá	Hồ Văn Linh	2	288	11.520.000
4	Đặng Xá	Nguyễn Văn Sinh	21	730	29.200.000
5	Đặng Xá	Nguyễn Thanh Dũng	12	720	28.800.000
6	Đặng Xá	Nguyễn Thị Dẫn	1	150	6.000.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
7	Đặng Xá	Kỳ Thị Nga	2	412	16.480.000
8	Đặng Xá	Lê Thị Vân	3	387	15.480.000
9	Đặng Xá	Lê Văn Thuồng	2	375	15.000.000
10	Đặng Xá	Hồ Văn Lý	1	189	7.560.000
11	Đặng Xá	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	9	378	15.120.000
12	Đặng Xá	Lê Thị Cúc	4	188	7.520.000
13	Đặng Xá	Nguyễn Văn Hiền	11	642	25.680.000
14	Đặng Xá	Mai Văn An	13	832	33.280.000
15	Đặng Xá	Hoàng Thị Ớn	14	457	18.280.000
16	Đặng Xá	Nguyễn Thị Hoa	1	219	8.760.000
IX		33	274	20.039	801.560.000
1	Duy Viên	Lê Thị Nhàn	37	2.490	99.600.000
2	Duy Viên	Lê Thị Duyệt	3	368	14.720.000
3	Duy Viên	Lê Thị Hồng May	1	96	3.840.000
4	Duy Viên	Lê Thị Khánh	17	861	34.440.000
5	Duy Viên	Lê Đức Phương	1	213	8.520.000
6	Duy Viên	Nguyễn Thị Hiền	5	379	15.160.000
7	Duy Viên	Lê Văn Dũng	2	82	3.280.000
8	Duy Viên	Nguyễn Thị Thanh	10	820	32.800.000
9	Duy Viên	Lê Thị Dương	3	174	6.960.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
10	Duy Viên	Hoàng Văn Minh	2	460	18.400.000
11	Duy Viên	Lê Văn Bảy	8	248	9.920.000
12	Duy Viên	Trần Thị Nhung	5	402	16.080.000
13	Duy Viên	Lê Xuân Kiên	15	1.058	42.320.000
14	Duy Viên	Lê Văn Hồng	8	608	24.320.000
15	Duy Viên	Hoàng Thị Hiền	9	920	36.800.000
16	Duy Viên	Cao Thị Hà	2	140	5.600.000
17	Duy Viên	Lê Phương Đông	3	203	8.120.000
18	Duy Viên	Lê Đức Hưng	10	1.096	43.840.000
19	Duy Viên	Nguyễn Văn Tường	37	2.217	88.680.000
20	Duy Viên	Lê Thị Thương	5	394	15.760.000
21	Duy Viên	Hồ Thị Minh Phận	6	372	14.880.000
22	Duy Viên	Lê Thị Đức	2	90	3.600.000
23	Duy Viên	Lê Xuân Mạnh	29	1.520	60.800.000
24	Duy Viên	Nguyễn Văn Linh	1	139	5.560.000
25	Duy Viên	Lê Đức Lam	7	476	19.040.000
26	Duy Viên	Lê Đức Hiền	2	375	15.000.000
27	Duy Viên	Lê Văn Vui	8	862	34.480.000
28	Duy Viên	Hoàng Xuân Hiền	1	105	4.200.000
29	Duy Viên	Lê Thị Khai	11	1.078	43.120.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
30	Duy Viên	Lê Văn Tình	7	552	22.080.000
31	Duy Viên	Le Thị Thanh Xuân	5	230	9.200.000
32	Duy Viên	Lê Thị Liên	3	204	8.160.000
33	Duy Viên	Lê Văn Chiến	9	807	32.280.000
X		23	119	9.736	389.440.000
1	Quảng Xá	Hoàng Ngọc Tình	16	1.045	41.800.000
2	Quảng Xá	Hoàng Thị Hồng	10	615	24.600.000
3	Quảng Xá	Lê Thị Cẩm	1	192	7.680.000
4	Quảng Xá	Hoàng Văn Trinh L3	2	170	6.800.000
5	Quảng Xá	Cao Thị Luyến	2	38	1.520.000
6	Quảng Xá	Nguyễn Thị Thuận	1	47	1.880.000
7	Quảng Xá	Hoàng Trung Thanh	5	482	19.280.000
8	Quảng Xá	Trương Thị Mơ L2	10	880	35.200.000
9	Quảng Xá	Võ Thị Hoa	12	876	35.040.000
10	Quảng Xá	Hoàng Đức Trích	4	212	8.480.000
11	Quảng Xá	Trần Thị Kiều Trinh	5	390	15.600.000
12	Quảng Xá	Trần Thị Thanh Thủy	2	200	8.000.000
13	Quảng Xá	Nguyễn Thị Diễm	2	360	14.400.000
14	Quảng Xá	Nguyễn Thị Nga	13	1.139	45.560.000
15	Quảng Xá	Hoàng Đức Chuyển	5	535	21.400.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
16	Quảng Xá	Hoàng Đức Đàm	3	255	10.200.000
17	Quảng Xá	Nguyễn Văn Toán	16	536	21.440.000
18	Quảng Xá	Trần Thị Tuyết	3	483	19.320.000
19	Quảng Xá	Nguyễn Quang Trung	2	470	18.800.000
20	Quảng Xá	Mai Thị Tâm	1	115	4.600.000
21	Quảng Xá	Nguyễn Quang Lý	1	239	9.560.000
22	Quảng Xá	Hoàng Văn Cường	1	165	6.600.000
23	Quảng Xá	Nguyễn Thị Diễm	2	292	11.680.000
XI		28	245	19.183	767.320.000
1	Lâm Cao	Hồ Văn Bắc	5	216	8.640.000
2	Lâm Cao	Hồ Xuân Thiên	1	273	10.920.000
3	Lâm Cao	Nguyễn Thị Thúy	62	5.700	228.000.000
4	Lâm Cao	Nguyễn Quang Vinh L2	10	632	25.280.000
5	Lâm Cao	Hồ Văn Soát	1	118	4.720.000
6	Lâm Cao	Lê Thị Hương	5	611	24.440.000
7	Lâm Cao	Hồ Chuyên	11	1.215	48.600.000
8	Lâm Cao	Nguyễn Thị Cẩm	18	515	20.600.000
9	Lâm Cao	Lê Văn Quế L2	1	165	6.600.000
10	Lâm Cao	Nguyễn Thị Lan l2	2	286	11.440.000
11	Lâm Cao	Lê Thị Dung L2	2	90	3.600.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
12	Lâm Cao	Nguyễn Thị Hồng	3	486	19.440.000
13	Lâm Cao	Lê văn Tuấn L2	15	1.074	42.960.000
14	Lâm Cao	Nguyễn Thị Lài	1	218	8.720.000
15	Lâm Cao	Lê Văn Lượng	2	241	9.640.000
16	Lâm Cao	Trần Ngọc Linh	9	864	34.560.000
17	Lâm Cao	Nguyên Thị Hiền	7	518	20.720.000
18	Lâm Cao	Hồ Thanh Hải	5	735	29.400.000
19	Lâm Cao	Lê Đình Chiêu	1	60	2.400.000
20	Lâm Cao	Lê Thị Nam	15	416	16.640.000
21	Lâm Cao	Cao Thị Phụng	13	713	28.520.000
22	Lâm Cao	Hồ Thị Tư	31	1.821	72.840.000
23	Lâm Cao	Hồ Văn Kỳ	1	196	7.840.000
24	Lâm Cao	Nguyễn Thị Tâm	4	319	12.760.000
25	Lâm Cao	Lê Văn Mừng	2	398	15.920.000
26	Lâm Cao	Phạm Thị Liên	10	494	19.760.000
27	Lâm Cao	Hồ Xuân Hiền	1	193	7.720.000
28	Lâm Cao	Hồ Thị Toàn	7	616	24.640.000
XII		32	228	19.284	771.360.000
1	Tiên Mỹ 2	Cao Thị Niềm	6	859	34.360.000
2	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Bá Năm	2	147	5.880.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
3	Tiên Mỹ 2	Cao Thị Thương	2	294	11.760.000
4	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Hà	3	204	8.160.000
5	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Xán	2	142	5.680.000
6	Tiên Mỹ 2	Lê Phước Hồng	1	74	2.960.000
7	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Dịu	2	285	11.400.000
8	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Quang Minh	14	1.336	53.440.000
9	Tiên Mỹ 2	Lê Thị Hà	24	2.073	82.920.000
10	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Miên	6	341	13.640.000
11	Tiên Mỹ 2	Cao Thị Liên	4	204	8.160.000
12	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Lưu	2	213	8.520.000
13	Tiên Mỹ 2	Cao Thị Châu	1	129	5.160.000
14	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Thuỷ	4	454	18.160.000
15	Tiên Mỹ 2	Hồ Thị Lan	39	3.624	144.960.000
16	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Tuấn	2	315	12.600.000
17	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Mùi	6	613	24.520.000
18	Tiên Mỹ 2	Cao Văn Thành	6	603	24.120.000
19	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Khuyên	15	1.080	43.200.000
20	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Hoài Thương	3	270	10.800.000
21	Tiên Mỹ 2	Lê Thị Khuyên	15	1.060	42.400.000
22	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Thuỷ	35	1.785	71.400.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
23	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Linh	4	446	17.840.000
24	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Linh	7	483	19.320.000
25	Tiên Mỹ 2	Trần Thị Thu Hương	3	234	9.360.000
26	Tiên Mỹ 2	Trần Thị Tâm	2	142	5.680.000
27	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Vinh	3	468	18.720.000
28	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Thị Thu Huyền	3	153	6.120.000
29	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Quang Khuynh	3	246	9.840.000
30	Tiên Mỹ 2	Cao Văn Hoài	2	182	7.280.000
31	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Trường	5	389	15.560.000
32	Tiên Mỹ 2	Nguyễn Văn Thắng	2	436	17.440.000
XIII		4	14	1.595	63.800.000
1	Tiên Lai	Cao Văn Hà L3	3	192	7.680.000
2	Tiên Lai	Nguyễn Thị Liễu	7	985	39.400.000
3	Tiên Lai	Nguyễn Thị Mừng	2	296	11.840.000
4	Tiên Lai	Ngô Thị Đông	2	122	4.880.000
XIV	Tiên Mỹ I	16	93	7.462	298.480.000
1	Tiên Mỹ 1	Cao Thị Huệ	2	147	5.880.000
2	Tiên Mỹ 1	Phạm Thị Thu Hương	3	255	10.200.000
3	Tiên Mỹ 1	Trương Thị Thúy	3	327	13.080.000
4	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Duệ	2	282	11.280.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
5	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Bá Cải	5	405	16.200.000
6	Tiên Mỹ 1	Trần Thị Loan	4	284	11.360.000
7	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Hương	10	703	28.120.000
8	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Duyên	15	1.690	67.600.000
9	Tiên Mỹ 1	Lê Thị Dao	10	510	20.400.000
10	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Xuân	8	575	23.000.000
11	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Văn Nhật	2	102	4.080.000
12	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Lài	8	408	16.320.000
13	Tiên Mỹ 1	Cao Văn Tụy	7	329	13.160.000
14	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Dày	1	112	4.480.000
15	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Hải	5	403	16.120.000
16	Tiên Mỹ 1	Nguyễn Thị Huyền	8	930	37.200.000
XV		11	97	5.836	233.440.000
1	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thế Viên	52	3.357	134.280.000
2	Thủy Ba Đông	Đặng Văn Vinh	3	138	5.520.000
3	Thủy Ba Đông	Đặng Xuân Nam	1	51	2.040.000
4	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Đào	1	106	4.240.000
5	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Trung	3	463	18.520.000
6	Thủy Ba Đông	Lê Thị Chung	1	56	2.240.000
7	Thủy Ba Đông	Phan Ngọc Cảnh	7	433	17.320.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
8	Thủy Ba Đông	Dương Thị Vinh	2	69	2.760.000
9	Thủy Ba Đông	Trần Hữu Linh	13	198	7.920.000
10	Thủy Ba Đông	Lê Văn Hùng	13	837	33.480.000
11	Thủy Ba Đông	Nguyễn Thị Oanh Duyên	1	128	5.120.000
XVI		92	731	53.411	2.136.440.000
1	Thủy Ba Tây	Lê Văn Nam (Khuyên)	24	1.324	52.960.000
2	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Yên	1	53	2.120.000
3	Thủy Ba Tây	Hồ Sơn Trà	2	184	7.360.000
4	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Hồng Bé	20	2.204	88.160.000
5	Thủy Ba Tây	Lê Hồng Minh	3	489	19.560.000
6	Thủy Ba Tây	Lê Văn Minh (Ba)	4	324	12.960.000
7	Thủy Ba Tây	Lê Thị Lan (Chiến)	1	216	8.640.000
8	Thủy Ba Tây	Võ Thị Tâm	1	137	5.480.000
9	Thủy Ba Tây	Lê Thị Việt	13	385	15.400.000
10	Thủy Ba Tây	Lê Thị Sao	5	493	19.720.000
11	Thủy Ba Tây	Lê Văn Quang (Cường)	5	487	19.480.000
12	Thủy Ba Tây	Nguyễn Văn Trung	8	528	21.120.000
13	Thủy Ba Tây	Lê Văn Hiền	16	237	9.480.000
14	Thủy Ba Tây	Lê Thị Ánh	2	416	16.640.000
15	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Ái Luyến	2	147	5.880.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
16	Thủy Ba Tây	Trần Hữu Tiến	2	286	11.440.000
17	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thái Diễn	26	1.271	50.840.000
18	Thủy Ba Tây	Lê Hồng Sơn	12	878	35.120.000
19	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thế Anh	2	105	4.200.000
20	Thủy Ba Tây	Lê Vĩnh Hưng	4	483	19.320.000
21	Thủy Ba Tây	Ngô Thị Huyền	1	98	3.920.000
22	Thủy Ba Tây	Nguyễn Quang Dương	3	279	11.160.000
23	Thủy Ba Tây	Phan Thị Luyến	1	126	5.040.000
24	Thủy Ba Tây	Lê Thị Hiếu	2	368	14.720.000
25	Thủy Ba Tây	Lê Thành Vĩnh	3	261	10.440.000
26	Thủy Ba Tây	Nguyễn Văn Lương	7	837	33.480.000
27	Thủy Ba Tây	Đinh Thị Thanh	5	525	21.000.000
28	Thủy Ba Tây	Trần Thị Hiên	21	956	38.240.000
29	Thủy Ba Tây	Nguyễn Đức Quý	1	137	5.480.000
30	Thủy Ba Tây	Trần Thị Hạnh (Hải)	4	425	17.000.000
31	Thủy Ba Tây	Dương Thanh Phương	8	620	24.800.000
32	Thủy Ba Tây	Lê Văn Lợi	4	381	15.240.000
33	Thủy Ba Tây	Hoàng Thị Phượng	5	607	24.280.000
34	Thủy Ba Tây	Hồ Văn Ly	2	419	16.760.000
35	Thủy Ba Tây	Phan Thị Thiện	3	579	23.160.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
36	Thủy Ba Tây	Đặng Xuân Nghĩa	12	784	31.360.000
37	Thủy Ba Tây	Nguyễn Văn Hùng (Lan)	7	368	14.720.000
38	Thủy Ba Tây	Hoàng Minh Hà	1	173	6.920.000
39	Thủy Ba Tây	Võ Thị Lê	4	523	20.920.000
40	Thủy Ba Tây	Trần Đức Minh	1	198	7.920.000
41	Thủy Ba Tây	Nguyễn Hữu Cảnh	19	1.849	73.960.000
42	Thủy Ba Tây	Đoàn Quang Luật	7	601	24.040.000
43	Thủy Ba Tây	Nguyễn Đăng Hoàng	4	555	22.200.000
44	Thủy Ba Tây	Nguyễn Xuân Thành	43	1.464	58.560.000
45	Thủy Ba Tây	Trần Mai Chi	1	87	3.480.000
46	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Thương	2	298	11.920.000
47	Thủy Ba Tây	Trần Thị Hương	9	516	20.640.000
48	Thủy Ba Tây	Lê Thị Lương	23	1.970	78.800.000
49	Thủy Ba Tây	Lê Thị Thủy	5	365	14.600.000
50	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Nơ	1	189	7.560.000
51	Thủy Ba Tây	Lê Thị Cẩm	3	294	11.760.000
52	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Sáu	20	703	28.120.000
53	Thủy Ba Tây	Lê Văn Lộc	8	213	8.520.000
54	Thủy Ba Tây	Lê Thanh Liêm	46	3.273	130.920.000
55	Thủy Ba Tây	Dương Thị Xuân	1	49	1.960.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
56	Thủy Ba Tây	Lê Văn Hoài (Hà)	12	1.093	43.720.000
57	Thủy Ba Tây	Vũ Thị Huyền	3	538	21.520.000
58	Thủy Ba Tây	Phùng Thế Lược	10	920	36.800.000
59	Thủy Ba Tây	Lê Văn Chính	17	352	14.080.000
60	Thủy Ba Tây	Phan Ngọc Bình	1	103	4.120.000
61	Thủy Ba Tây	Lê Văn Hà	14	443	17.720.000
62	Thủy Ba Tây	Lê Hồng Quân	2	298	11.920.000
63	Thủy Ba Tây	Lê Văn Quốc	2	179	7.160.000
64	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Trang (Hà)	4	897	35.880.000
65	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Thảo (Châm)	3	679	27.160.000
66	Thủy Ba Tây	Lê Văn Kháng	3	158	6.320.000
67	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Lí (Lâm)	2	368	14.720.000
68	Thủy Ba Tây	Phan Thị Tạo	2	168	6.720.000
69	Thủy Ba Tây	Lê Văn Nhuận	2	148	5.920.000
70	Thủy Ba Tây	Đinh Viết Ái	3	184	7.360.000
71	Thủy Ba Tây	Dương Văn Tuất	2	379	15.160.000
72	Thủy Ba Tây	HoàngThị Lí	7	636	25.440.000
73	Thủy Ba Tây	Lê Hữu Trung	2	412	16.480.000
74	Thủy Ba Tây	Lê Quang Thành	7	817	32.680.000
75	Thủy Ba Tây	Lê Thị Hiền (Thành)	25	1.662	66.480.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
76	Thủy Ba Tây	Lê Thị Hương (Phước)	12	1.492	59.680.000
77	Thủy Ba Tây	Lê Đức Bình (Hoa)	3	538	21.520.000
78	Thủy Ba Tây	Lê Văn Bình (Sen)	25	1.340	53.600.000
79	Thủy Ba Tây	Lê Văn Thanh	16	943	37.720.000
80	Thủy Ba Tây	Nguyễn Hữu Thành	1	112	4.480.000
81	Thủy Ba Tây	Nguyễn Lương Ti	2	180	7.200.000
82	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Thùy Linh (Tuyền	21	1.311	52.440.000
83	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Đào	1	225	9.000.000
84	Thủy Ba Tây	Nguyễn Thị Thúy	58	2.215	88.600.000
85	Thủy Ba Tây	Nguyễn Văn An	2	322	12.880.000
86	Thủy Ba Tây	Nguyễn Văn Bình (Phượng)	3	626	25.040.000
87	Thủy Ba Tây	Phạm Quang Phụng	2	217	8.680.000
88	Thủy Ba Tây	Phan Ngọc Dũng	12	800	32.000.000
89	Thủy Ba Tây	Trần Đức Xuân	5	359	14.360.000
90	Thủy Ba Tây	Trần Ngọc Lương	2	53	2.120.000
91	Thủy Ba Tây	Trương Thị Triều	1	159	6.360.000
92	Thủy Ba Tây	Võ Văn Tư	2	348	13.920.000
XVII		20	235	17.066	682.640.000
1	Thủy Ba Hạ	Cao Thị Hà	3	601	24.040.000
2	Thủy Ba Hạ	Đinh Viết Cường	1	87	3.480.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
3	Thủy Ba Hạ	Phạm Thị Hậu	2	426	17.040.000
4	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Thị Khiêm	20	805	32.200.000
5	Thủy Ba Hạ	Phạm Tích	3	489	19.560.000
6	Thủy Ba Hạ	Cao Duy Đường	2	282	11.280.000
7	Thủy Ba Hạ	Phan Thanh Xản	12	1.758	70.320.000
8	Thủy Ba Hạ	Lê Thị Mai	4	244	9.760.000
9	Thủy Ba Hạ	Dương Văn Ngắm	12	763	30.520.000
10	Thủy Ba Hạ	Dương Thị Bình	5	267	10.680.000
11	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Văn Hành	3	358	14.320.000
12	Thủy Ba Hạ	Cao Tất Hiệu	44	2.978	119.120.000
13	Thủy Ba Hạ	Cao Duy Quý	1	194	7.760.000
14	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Mạnh Hùng	3	348	13.920.000
15	Thủy Ba Hạ	Lê Thị Hồng Minh	45	3.017	120.680.000
16	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Văn Quang	10	545	21.800.000
17	Thủy Ba Hạ	Nguyễn Thị Toan	43	2.649	105.960.000
18	Thủy Ba Hạ	Lê Quang Tiến	16	760	30.400.000
19	Thủy Ba Hạ	Cao Tất Dưỡng	3	248	9.920.000
20	Thủy Ba Hạ	Dương Thị Bé	3	247	9.880.000
XVIII		41	455	26.545	1.061.800.000
1	Đức Xá	Trần Đăng Sử	53	2.406	96.240.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
2	Đức Xá	Lê Thị Thanh Nhân	2	193	7.720.000
3	Đức Xá	Nguyễn Văn Minh	3	127	5.080.000
4	Đức Xá	Trần Đăng Hoài	41	2.491	99.640.000
5	Đức Xá	Nguyễn Thanh Phong	2	125	5.000.000
6	Đức Xá	Nguyễn Thị Lý	1	216	8.640.000
7	Đức Xá	Nguyễn Thị Hương (Quốc)	5	707	28.280.000
8	Đức Xá	Cao Thị Hường	2	87	3.480.000
9	Đức Xá	Trần Xuân Quang	1	100	4.000.000
10	Đức Xá	Trần Thị Thêu	1	189	7.560.000
11	Đức Xá	Trần Như An	1	137	5.480.000
12	Đức Xá	Phan Văn Lâm	7	870	34.800.000
13	Đức Xá	Lê Thị Khanh	73	6.351	254.040.000
14	Đức Xá	Trần Văn Tính	3	187	7.480.000
15	Đức Xá	Lê Thị Huế	24	1.018	40.720.000
16	Đức Xá	Trần Thị Vương	1	187	7.480.000
17	Đức Xá	Nguyễn Xuân Hường	2	139	5.560.000
18	Đức Xá	Hồ Thị Bé	10	416	16.640.000
19	Đức Xá	Cao Thị Khuyên	1	53	2.120.000
20	Đức Xá	Nguyễn Văn Lâm	10	532	21.280.000
21	Đức Xá	Lê Xuân Kỳ	1	124	4.960.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
22	Đức Xá	Nguyễn Thị Lục	30	732	29.280.000
23	Đức Xá	Lê Thị Vui	1	200	8.000.000
24	Đức Xá	Lương Thị Ánh Minh	12	480	19.200.000
25	Đức Xá	Phan Thị Sâm	7	317	12.680.000
26	Đức Xá	Nguyễn Văn Sơn	2	122	4.880.000
27	Đức Xá	Đào Quang Cân	5	234	9.360.000
28	Đức Xá	Trần Thị Hằng	8	425	17.000.000
29	Đức Xá	Lê Thị Liên	5	234	9.360.000
30	Đức Xá	Đỗ Thị Vân	12	344	13.760.000
31	Đức Xá	Phan Thị Lí (Đơn)	14	175	7.000.000
32	Đức Xá	Trần Thị Hường	16	253	10.120.000
33	Đức Xá	Phan Thị Liên (Lộc)	1	83	3.320.000
34	Đức Xá	Lê Vĩnh Thế	7	272	10.880.000
35	Đức Xá	Lê Thị Thanh	62	4.278	171.120.000
36	Đức Xá	Trần Thị Lam	2	253	10.120.000
37	Đức Xá	Trần Thị Hồng	3	268	10.720.000
38	Đức Xá	Nguyễn Thị Hương	5	175	7.000.000
39	Đức Xá	Lê Vĩnh Toàn	11	177	7.080.000
40	Đức Xá	Lê Thị Phong	1	238	9.520.000
41	Đức Xá	Dương Dư Đức	7	630	25.200.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
XIX		21	421	27.236	1.089.440.000
1	Linh Hải	Lê Thị Liên	1	215	8.600.000
2	Linh Hải	Nguyễn Thị Thuận	2	346	13.840.000
3	Linh Hải	Nguyễn Thị Hồng Thắm	6	368	14.720.000
4	Linh Hải	Cao Văn Thành	13	1.274	50.960.000
5	Linh Hải	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24	2.006	80.240.000
6	Linh Hải	Lê Văn Diệu	26	1.640	65.600.000
7	Linh Hải	Lê Văn Quý	3	125	5.000.000
8	Linh Hải	Nguyễn Thị Cúc	34	2.048	81.920.000
9	Linh Hải	Trần Văn Quảng	127	7.951	318.040.000
10	Linh Hải	Ngô Thị Hành	21	899	35.960.000
11	Linh Hải	Nguyễn Xuân Vĩnh	10	795	31.800.000
12	Linh Hải	Lê Văn Đạt	23	811	32.440.000
13	Linh Hải	Võ Văn Viễn	13	816	32.640.000
14	Linh Hải	Lê Văn Quỳnh	40	2.977	119.080.000
15	Linh Hải	Võ Thị Khởi	19	776	31.040.000
16	Linh Hải	Đặng Thị Lý	23	1.035	41.400.000
17	Linh Hải	Cao Văn Ủy	1	43	1.720.000
18	Linh Hải	Lê Văn Tâm	20	1.478	59.120.000
19	Linh Hải	Trần Thị Thơ	3	537	21.480.000

TT	Tên thôn	Tên hộ	Tổng hợp thiệt hại		Tổng NSNN hỗ trợ
			Lợn		
			Số con tiêu huỷ (con)	Trọng lượng tiêu huỷ (kg)	
1	2	3	4	5	6
20	Linh Hải	Lê Văn Kiên	10	698	27.920.000
21	Linh Hải	Lê Thị Trợ	2	398	15.920.000
XX		12	156	10.905	436.200.000
1	Tân Thủy	Lê Đức Dũng	9	984	39.360.000
2	Tân Thủy	Nguyễn Quang Bảo	2	412	16.480.000
3	Tân Thủy	Trần Thị Viên	1	198	7.920.000
4	Tân Thủy	Dương Đức Lương	23	1.528	61.120.000
5	Tân Thủy	Lê Văn Thiên	1	63	2.520.000
6	Tân Thủy	Tô Ngọc Phần	24	2.376	95.040.000
7	Tân Thủy	Từ Thị Phương	13	204	8.160.000
8	Tân Thủy	Lê Văn Quang	3	256	10.240.000
9	Tân Thủy	Phan Ngọc Trung	2	93	3.720.000
10	Tân Thủy	Thái Văn Dũng	7	700	28.000.000
11	Tân Thủy	Nguyễn Thị Hậu	31	1.687	67.480.000
12	Tân Thủy	Nguyễn Hữu Hào	40	2.404	96.160.000
	Tổng	612	4.463	343.722	13.748.880.000

